

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CVT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321501 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p VTTB H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572030926	35CVT1	V ấ Th Ng c Y n ấ nh	28/06/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	8.5	6.0	8.8	
2	3572030918	35CVT1	Nguy n V ấ ấ B o	18/09/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3572030925	35CVT1	D ấ ng Qu c B	14/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
4	3572030127	35CVT1	L ấ V ấ ấ Cao	04/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
5	3572031493	35CVT1	Nguy n Th M ng C m	15/06/1993				7.5	8.0		7.8	2.3	8.5	6.0	8.3	
6	3572030343	35CVT1	L ấ V ấ t C ấ ng	23/12/1990				10.0	6.0		8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
7	3572030919	35CVT1	Nguy n Huu nh Di n	17/07/1993				3.5	9.0		6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
8	3572030120	35CVT1	Nguy n Trung D ấ ấ	05/12/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
9	3572030071	35CVT1	V H M nh D ấ ấ	30/08/1992				7.5	7.0		7.3	2.2	7.0	4.9	7.1	
10	3572031589	35CVT1	Ng ấ V ấ ấ D ấ ng	07/07/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	7.3	5.1	7.5	
11	3572030571	35CVT1	V ấ Huu nh Minh ấ t Ti n Ph ấ t	19/04/1991				6.5	6.0		6.3	1.9	8.5	6.0	7.8	
12	3572030924	35CVT1	Tr ấ ng Kh ấ n	26/12/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	8.5	6.0	9.0	
13	3572031732	35CVT1	Ph m Tr n H u ấ c	01/11/1992				9.0	10.0		9.5	2.9	4.0	2.8	5.7	
14	3572030289	35CVT1	ấ ng Th H ng Giang	21/09/1993				10.0	9.0		9.5	2.9	7.5	5.3	8.1	
15	3572030444	35CVT1	Nguy n Th Tr ấ ng Giang	10/10/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
16	3572030927	35CVT1	Tr n Tam Gi ấ c	21/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	2.0	1.4	1.4	
17	3572030922	35CVT1	Ph m V ấ ấ Gi i	02/09/1992				6.5	8.0		7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
18	3572031508	35CVT1	Nguy n Th Hà	20/01/1993				3.5	10.0		6.8	2.0	8.0	5.6	7.6	
19	3572030096	35CVT1	Nguy n H u Hà o	17/04/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CVT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321501 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p VTTB H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572031723	35CVT1	T ấ ng Th	H ấ ng	10/10/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	7.5	5.3	8.0	
21	3572031536	35CVT1	Tr ấ n Minh Ho ấ ng	H ấ n	24/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3572031754	35CVT1	Nguy ấ n Kh c	H ấ u	05/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3572031517	35CVT1	Tr ấ n Ng c	H ấ u	26/07/1993				5.5	8.0		6.8	2.0	4.0	2.8	4.8	
24	3572031696	35CVT1	L ấ V ấ	H ấ p	11/10/1993				10.0	9.0		9.5	2.9	5.5	3.9	6.7	
25	3572031740	35CVT1	L ấ Th	Hoa	08/08/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	7.0	4.9	7.5	
26	3572030432	35CVT1	Hu ấ nh Kh ấ nh	Ho ấ ng	20/10/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	4.0	2.8	5.7	
27	3572030045	35CVT1	Nguy ấ n Anh	Ho ấ ng	11/12/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	8.0	5.6	8.6	
28	3572030595	35CVT1	Phan Minh	Ho ấ ng	10/03/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	6.5	4.6	6.2	
29	3572031434	35CVT1	Nguy ấ n H u	H ấ n	23/12/1992				7.5	8.0		7.8	2.3	6.0	4.2	6.5	
30	3572031135	35CVT1	Nguy ấ n ấ nh	Hu ấ n	25/02/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
31	3572030972	35CVT1	Lê Quang	Huy	10/05/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	7.3	5.1	8.1	
32	3572031808	35CVT1	Ph ấ m Th Di ấ m	H ấ ng	04/04/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	
33	3572031486	35CVT1	ấ Cao	Km	20/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
34	3572031580	35CVT1	H Trung	Khang	20/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	2.5	1.8	1.8	
35	3572031593	35CVT1	Phan V ấ	Lanh	06/07/1993				9.0	5.0		7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	N HP
36	3572030915	35CVT1	Phan Th Th ấ y	Linh	06/12/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	8.5	6.0	8.2	
37	3572031665	35CVT1	Nguy ấ n H u	L c	05/11/1993				7.0	10.0		8.5	2.6	5.0	3.5	6.1	
38	3572031786	35CVT1	Nguy ấ n H u	L ấ ng	11/11/1992				9.0	6.0		7.5	2.3	4.5	3.2	5.4	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CVT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321501 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p VTTB H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572031504	35CVT1	Nguy n Thanh	Mai	08/12/1992				9.0	10.0		9.5	2.9	5.3	3.7	6.6	
40	3572031253	35CVT1	H V ấ	Minh	10/12/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
41	3572031745	35CVT1	Ph m Ng c Th ch	Minh	24/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
42	3572031298	35CVT1	H Xu ấ n	Nam	30/12/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
43	3572031592	35CVT1	Nguy n Tr n Thanh	Nam	12/09/1993				8.0	10.0		9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	
44	3572030118	35CVT1	ấ Th M	N	28/04/1993				7.5	9.0		8.3	2.5	8.0	5.6	8.1	
45	3572031666	35CVT1	Ph m Th Duy	Nga	12/04/1993				6.0	9.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
46	3572030676	35CVT1	Hoàng Công	Nguyễn	20/10/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
47	3572031509	35CVT1	V ấ Th	Nhanh	11/12/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
48	3572031719	35CVT1	Nguy n V ấ	Nh n	10/11/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	3.3	2.3	2.3	
49	3572031473	35CVT1	Nguy n Th ấ	Nh n	05/01/1992				7.5	7.0		7.3	2.2	5.5	3.9	6.0	
50	3572030912	35CVT1	Lê Thanh	Nh n	30/11/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	7.5	5.3	8.1	
51	3572031630	35CVT1	Nguy n Th	Nhung	05/11/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	6.5	4.6	7.6	
52	3572030921	35CVT1	Hoàng Minh	Nh t	10/07/1993				7.5	10.0		8.8	2.6	5.0	3.5	6.1	
53	3572031492	35CVT1	L ấ V ấ	Pháp	20/03/1993				7.5	5.0		6.3	1.9	4.0	2.8	4.7	
54	3572031550	35CVT1	L ấ H ng	Phát	23/10/1993				6.5	7.0		6.8	2.0	8.0	5.6	7.6	
55	3572031646	35CVT1	Châu Hoàng	Phong	10/05/1992				7.0	5.0		6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	N HP
56	3572031735	35CVT1	Tr n Do ấ	Phú	21/03/1992				10.0	10.0		10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
57	3572031305	35CVT1	Nguy n Th H ng	Phúc	08/10/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	4.0	2.8	5.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CVT1 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321501 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p VTTB H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3572030911	35CVT1	Ng ấ Nh t	Quang	25/06/1993				9.0	6.0		7.5	2.3	6.0	4.2	6.5	
59	3572031321	35CVT1	Nguy n Thi ấ n	Qu ấ n	05/01/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	5.8	4.1	6.0	
60	3572031595	35CVT1	V ấ Th Nh	Qu ấ nh	24/01/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	5.5	3.9	6.9	
61	3572030913	35CVT1	Nguy n Th Kim	Qu ấ y	08/03/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	7.5	5.3	8.1	
62	3572030102	35CVT1	L ấ V ấ O	Sinh	10/02/1993				6.5	9.0		7.8	2.3	4.5	3.2	5.5	
63	3572030145	35CVT1	Nguy n Ng c	S n	01/03/1993				7.5	10.0		8.8	2.6	7.0	4.9	7.5	
64	3572031611	35CVT1	Tr n Thanh	T ấ i	26/10/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
65	3572031797	35CVT1	L ấ Qu c	T ấ n	17/01/1992				10.0	8.0		9.0	2.7	6.0	4.2	6.9	N HP
66	3572031408	35CVT1	Hu ấ nh V ấ ấ	Tu n	12/07/1993				7.0	3.5		5.3	1.6	5.0	3.5	5.1	
67	3572031247	35CVT1	L ấ Anh	Tu n	05/09/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
68	3572031440	35CVT1	Phan Anh	Tu n	15/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
69	3572031451	35CVT1	Phan V ấ ấ	Tu n	30/09/1993				5.5	10.0		7.8	2.3	7.5	5.3	7.6	
70	3572030488	35CVT1	Tr n Thanh	Tu ấ ng	18/05/1993				9.0	10.0		9.5	2.9	4.5	3.2	6.0	
71	3572031537	35CVT1	Nguy n Ng c	T i	17/06/1993				6.5	5.0		5.8	1.7	7.0	4.9	6.6	
72	3572030923	35CVT1	Tr n V ấ ấ	Thanh	30/07/1992				6.5	6.0		6.3	1.9	4.5	3.2	5.0	
73	3572031805	35CVT1	Hu ấ nh T n	Th ch	10/03/1993				5.5	9.0		7.3	2.2	7.0	4.9	7.1	
74	3572030928	35CVT1	H ấ V ấ ấ	Th ấ n	25/02/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	N HP
75	3572031604	35CVT1	Nguy n T n	Thi n	21/04/1993				7.0	6.5		6.8	2.0	2.5	1.8	3.8	
76	3572031822	35CVT1	Tr n Ng c	Th	06/01/1992				3.0	5.0		4.0	1.2	4.3	3.0	4.2	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CVT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122167321501 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p VTTB H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3572030117	35CVT1	V ấ Kha Hoàng	Th ấ ng	30/10/1993				7.0	5.5		6.3	1.9	5.0	3.5	5.4	
78	3572031391	35CVT1	ấ nh ấ c	Thu n	15/04/1992				7.5	7.0		7.3	2.2	7.0	4.9	7.1	
79	3572030056	35CVT1	B ấ i Ti n	Th ng	01/07/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
80	3572030592	35CVT1	Nguy n V ấ	Th	15/09/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
81	3572031671	35CVT1	V ấ Ng c Qu ấ nh	Tr ấ m	28/11/1992				9.0	10.0		9.5	2.9	5.5	3.9	6.7	
82	3572030628	35CVT1	H Th	Trinh	16/06/1993				7.0	9.0		8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
83	3572030469	35CVT1	Phan Ng c	Trinh	20/05/1992				5.0	7.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
84	3572030801	35CVT1	Hu ấ nh V ấ	Trong	10/11/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	6.5	4.6	7.6	
85	3572031191	35CVT1	L ng Th Thanh	V ấ n	14/04/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
86	3572031608	35CVT1	V H ấ Thanh	Vĩ t	21/09/1990				7.5	6.0		6.8	2.0	4.5	3.2	5.2	
87	3572031703	35CVT1	Ph m Ng c	V ấ	16/04/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
88	3572030511	35CVT1	L ấ T n	V H ấ	08/11/1991				6.0	5.5		5.8	1.7	4.0	2.8	4.5	

T ng s : 88 h c sinh sinh vĩ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ấ o Vĩ n B M ấ n Gi ấ o V Khoa